

Các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý tài chính cá nhân của sinh viên Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng thời kỳ chuyển đổi số

Lê Thị Hồng Hạnh, Nguyễn Đỗ Bích Nga*, Nguyễn Thị Thanh Nhung,
Nguyễn Thanh Phú, Trần Nguyễn Hiền Như và Phạm Hoàng Lộc
Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

TÓM TẮT

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý tài chính cá nhân (TCCN) của sinh viên (SV) Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng (HIU) thời kỳ chuyển đổi số. Khảo sát đã thu thập dữ liệu từ 207 SV của HIU tại tất cả các khóa học và khối ngành đào tạo. Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp bao gồm phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng. Kết quả phân tích hồi quy cho thấy có 5 nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU, thứ tự như sau: nhân tố có mức ảnh hưởng cao nhất “Lớp học tài chính”, kế đến “Giáo dục gia đình và đi làm thêm”, “Câu lạc bộ về vấn đề quản lý TCCN”, “Kiến thức TCCN” và cuối cùng là “Chuyên ngành đào tạo”. Đồng thời các yếu tố về nhân khẩu học cũng cho thấy có sự khác biệt về hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN theo giới tính, khu vực lớn lên, nơi cư trú khi học đại học của SV HIU. Từ đó đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của sinh viên.

Từ khóa: hiểu biết tài chính cá nhân, quản lý tài chính cá nhân, sinh viên

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh viên hiện nay đều thuộc thế hệ GenZ (18 - 23 tuổi, sinh từ 2000 - 2005), thế hệ GenZ lớn lên trong sự bùng nổ của công nghệ kỹ thuật số như Internet, mạng xã hội, hay thiết bị di động. Điều này đã tạo ra nhận thức mạnh mẽ của GenZ về sức mạnh của thông tin, truyền thông đại chúng, trải nghiệm ảo và toàn cầu hóa. Họ cũng đề cao bản ngã và tự do cá nhân, yêu thích sự tự chủ kể cả trong cuộc sống lẫn tài chính. Theo nghiên cứu của Visa, lứa tuổi GenZ chiếm đến 69% hành vi mua sắm trực tuyến thông qua các ứng dụng hay website trên mạng. Lứa tuổi này cũng chiếm đến 52% việc mua sắm thông qua mạng xã hội như Facebook, đối với các công nghệ mới trong thanh toán sử dụng Fintech: ví momo, zalopay, VNpay, ... GenZ có mức độ nhận biết về thanh toán bằng sinh trắc học chiếm đến 84% và tham gia vào thanh toán chiếm đến 88% (Đặng Tuyết Dung, giám đốc Visa Việt Nam và Lào - Báo tuổi trẻ ngày 6/11/2021). SV có sức trẻ, có kiến thức, có kỹ năng cũng như cơ hội tiếp cận nhiều công nghệ mới. Họ là thế hệ đóng vai trò dẫn dắt vô cùng quan trọng giúp Việt Nam trở thành thị trường không dùng tiền mặt và ứng dụng các công nghệ một cách hiệu quả nhất trong lĩnh vực thanh toán cũng như các lĩnh vực phát triển số khác. Điều này mang đến cho GenZ cuộc sống năng

động, thoải mái, làm hết mình và cũng không ngần ngại tận hưởng cuộc sống. Bên cạnh đó sẽ là việc đối mặt với vấn đề không kiểm soát và cân bằng được chi tiêu, xuất hiện những món nợ xấu hoặc không có khoản tiền dự phòng rủi ro. Hiện tượng này gây tác động tiêu cực lên cuộc sống cũng như kết quả học tập của SV, thậm chí là bỏ học mà nguyên nhân là do sự yếu kém trong việc quản lý tài chính cá nhân (TCCN) (Tuổi trẻ online, ngày 29/9/2013). Quản lý TCCN yếu kém còn dẫn đến nhiều hệ lụy như tác động xấu đến phẩm chất cá nhân, quan hệ gia đình và công việc, tạo ra tình trạng sử dụng các hình thức tín dụng vào cuối tháng, về lâu dài tạo thành thói quen ỷ lại vào các hình thức tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu cá nhân [1], dễ sa vào tín dụng đen. Việc trang bị cho bản thân không chỉ về kiến thức hiểu biết mà còn về kỹ năng quản lý tài chính không còn xa lạ, điều này giúp SV sử dụng nguồn tiền một cách hiệu quả, hợp lý. Song, vẫn chưa nhiều SV thực sự hiểu và biết quản lý TCCN. Chính vì lý do này, nhóm tác giả thực hiện đề tài “Các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của sinh viên HIU thời kỳ chuyển đổi số.” Nghiên cứu đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiểu biết và kỹ năng quản lý tài TCCN của SV HIU thời kỳ chuyển đổi số, SV tự

Tác giả liên hệ: ThS. Nguyễn Đỗ Bích Nga
Email: ngandb@hiu.vn

chủ về TCCN sẽ thúc đẩy chất lượng cuộc sống cũng như kết quả học tập.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Mục tiêu, đối tượng, phạm vi nghiên cứu

2.1.1. Mục tiêu nghiên cứu

- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU thời kỳ chuyển đổi số.
- Xác định mức độ và tính chất tác động của các yếu tố đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU thời kỳ chuyển đổi số.
- Đề xuất hàm ý quản trị nhằm nâng cao hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU thời kỳ chuyển đổi số.

2.1.2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV.
- Đối tượng khảo sát: SV tại HIU tất cả các khối ngành, các khóa từ năm 1 đến năm 6.

Phạm vi nghiên cứu

- Không gian: Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng.
- Thời gian thực hiện khảo sát: tháng 02/2023 - tháng 03/2023

2.2. Tổng quan nghiên cứu

2.2.1. Một số khái niệm

• Khái niệm tài chính cá nhân

Theo Kenton [2] "Tài chính cá nhân là một thuật ngữ bao gồm việc quản lý tiền của bạn cũng như tiết kiệm và đầu tư. Nó bao gồm lập ngân sách, ngân hàng, bảo hiểm, thế chấp, đầu tư và hưu trí, thuế và lập kế hoạch bất động sản."

TCCN là việc quản lý, chi tiêu, sử dụng tiền bạc và của cải của các cá thể hoặc hộ gia đình với một mức

độ rủi ro và các kế hoạch tương lai đã lường trước. TCCN cũng là các quyết định tài chính, các hoạt động liên quan tới tài chính bao gồm lập ngân sách, tiết kiệm, bảo hiểm, đầu tư, hưu trí và di sản [3].

• Hiểu biết tài chính (Financial Literacy)

Khái niệm của OECD (Organization for Economic Cooperation and Development - Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế) hiểu biết tài chính được định nghĩa là tổng hợp nhận thức, kiến thức, kỹ năng, thái độ và hành vi tài chính cần thiết để có thể đưa ra các quyết định tài chính lành mạnh và cuối cùng đạt được lợi ích tài chính [4].

• Kỹ năng quản lý TCCN

Xiao [1] đã chính thức công bố những hành vi quản lý ngân quỹ cá nhân chuẩn đo lường kỹ năng quản lý TCCN hay còn gọi là thang đo FMBS trên tạp chí tài chính. Nghiên cứu đã xác định các phương diện quan trọng của kỹ năng quản lý TCCN, gồm 4 phương diện: quản lý chi tiêu (QLCT), quản lý tín dụng (QLTD), quản lý tiết kiệm (QLTK) - đầu tư và quản lý bảo hiểm. Bốn phương diện trên được thực hành bởi 15 hành vi quản lý thực hiện thường xuyên. Phương diện thứ nhất, QLCT gồm 4 hành vi: so sánh các shop, trả các hóa đơn đúng thời hạn, xem lại các hóa đơn, chi tiêu trong ngân sách. Phương diện thứ hai, QLTĐ gồm 3 hành vi: trả hết thẻ tín dụng, sử dụng hạn mức cao nhất của thẻ tín dụng, thanh toán tối thiểu cho các khoản vay. Phương diện thứ ba, QLTK - đầu tư gồm 5 hành vi: duy trì và tạo lập một quỹ dự phòng tài chính khẩn cấp, tiết kiệm từ thu nhập mỗi tháng, tiết kiệm cho mục tiêu dài hạn, tiết kiệm cho hưu trí, đầu tư tiền. Phương diện thứ tư, quản lý bảo hiểm gồm 3 hành vi: Có được hoặc duy trì bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm y tế đầy đủ.

2.2.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu trước liên quan

2.2.2.1. Các nghiên cứu nước ngoài

Bảng 1. Thống kê các nghiên cứu nước ngoài về hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN

Tác giả	Yếu tố ảnh hưởng	Kết quả
Lursadi [5]	Độ tuổi	Người trung niên có hiểu biết tài chính tốt hơn người trẻ hay người già. Như vậy, tuổi tác tác động cùng chiều đến mức độ hiểu biết tài chính của cá nhân.
Kharchenko và Olga [6]	Giới tính	Nam giới quản lý tài chính tốt hơn nữ giới: SV nam hiểu biết về tài chính hơn SV nữ.
Xiao [1]	Ngành học	Có sự khác biệt trong quản lý TCCN giữa SV ngành kinh tế và SV ngành khác. Những SV ngành kinh tế quản lý TCCN tốt hơn.
Cole [7]	Nơi cư trú	SV sống ở khu vực nông thôn được cho là có hiểu biết tài chính nhiều hơn những SV sống trong khu vực thành thị.
Sabri [8]		SV ở ký túc xá có hiểu biết tài chính cao hơn SV không ở ký túc xá.

Masud [9]	Số năm đi học	SV đã tốt nghiệp am hiểu hơn SV đại học, SV năm 3 và năm 4 có nhận thức về tài chính tốt hơn những SV khóa dưới.
Xiao [1]		SV năm cuối có sự bất cẩn trong quản lý tín dụng và có kỹ năng tiết kiệm kém hơn SV năm nhất.
Cordero và Pedraja [10]	Triển khai các khóa học chuyên sâu về tài chính	các khóa học như vậy có ý nghĩa quan trọng và tích cực, ảnh hưởng đến bất kể chiến lược nào được áp dụng để dạy SV các khái niệm tài chính.
Shim [11]	Sự giáo dục tài chính từ gia đình	SV được hướng dẫn tài chính từ gia đình sẽ tốt hơn SV không có.
Peng [12]	Tham gia hội thảo về tài chính	Sau khi tham gia nhận thức về tài chính của SV sẽ tăng lên.
Shim [11]	Tình trạng việc làm	SV có nhiều năm đi làm thì có kinh nghiệm và hiểu biết hơn trong việc quản lý tài chính của mình.

2.2.2.2. Các nghiên cứu về TCCN tại Việt Nam

Tác giả Nguyễn Thị Hải Yến [13] khi áp dụng bài kiểm tra khách quan để đo lường trình độ hiểu biết về tài chính của SV đại học tại Việt Nam cho thấy giới tính, nơi cư trú, lĩnh vực học tập, kinh nghiệm học tập, tỷ lệ phụ thuộc tài chính của SV vào gia đình và nhu cầu của SV về giáo dục có ảnh hưởng đáng kể đến trình độ hiểu biết tài chính của họ ở mọi cấp độ. Hầu hết các SV có chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực kinh tế đã được học về kiến thức tài chính cơ bản trong những năm đầu tiên và ngay cả đối với SV không phải chuyên ngành kinh tế, kiến thức tài chính của họ cũng có thể được cải thiện trong quá trình học do nhu cầu học về tài chính ngày càng tăng để tham gia thị trường tài chính sau khi tốt nghiệp.

Nghiên cứu nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết tài chính của SV trên địa bàn Thành phố Hà Nội của tác giả Trần Thanh Thu [14] tập trung nghiên cứu về chương trình giáo dục tài chính quốc gia trong bối cảnh số hóa ngành Tài chính, nhóm tác giả này đã chỉ ra rằng Việt Nam có chỉ số quan tâm và am hiểu kiến thức tài chính thấp hơn so với đa số các nước châu Á.

Lê Long Hậu, Lê Tấn Nghiêm và Nguyễn Lê Trang Anh [15], nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý TCCN của SV Trường Đại học Cần Thơ kỹ năng quản lý tài chính được đánh giá thông qua kỹ năng quản lý tiết kiệm và chi tiêu của sinh viên. Kết quả cho thấy các yếu tố gồm giới tính, khóa học, có đi làm thêm, nhận được sự hướng dẫn tài chính từ cha mẹ và kiến thức tài chính có tác động tích cực đến cả hai kỹ năng này. Trạng thái chung sống cùng gia đình có ảnh hưởng tích cực đến kỹ năng quản lý chi tiêu, nhưng lại không ảnh hưởng đến kỹ năng quản lý tiết kiệm; tuy nhiên, ảnh hưởng của việc tham gia các lớp về kỹ năng quản lý tài chính đến

hai kỹ năng này là ngược lại. Cuối cùng, kết quả cũng cho thấy có sự khác biệt giữa SV ở các khóa và ngành học khác nhau đối với kỹ năng quản lý tiết kiệm, nhưng không có sự khác biệt đối với kỹ năng quản lý chi tiêu. Có thể thấy rằng vẫn còn rất ít các nghiên cứu trong nước về vấn đề TCCN và còn một số khoảng trống nghiên cứu.

Như vậy, tổng hợp từ các nghiên cứu nước ngoài và trong nước có những khoảng trống trong nghiên cứu như sau:

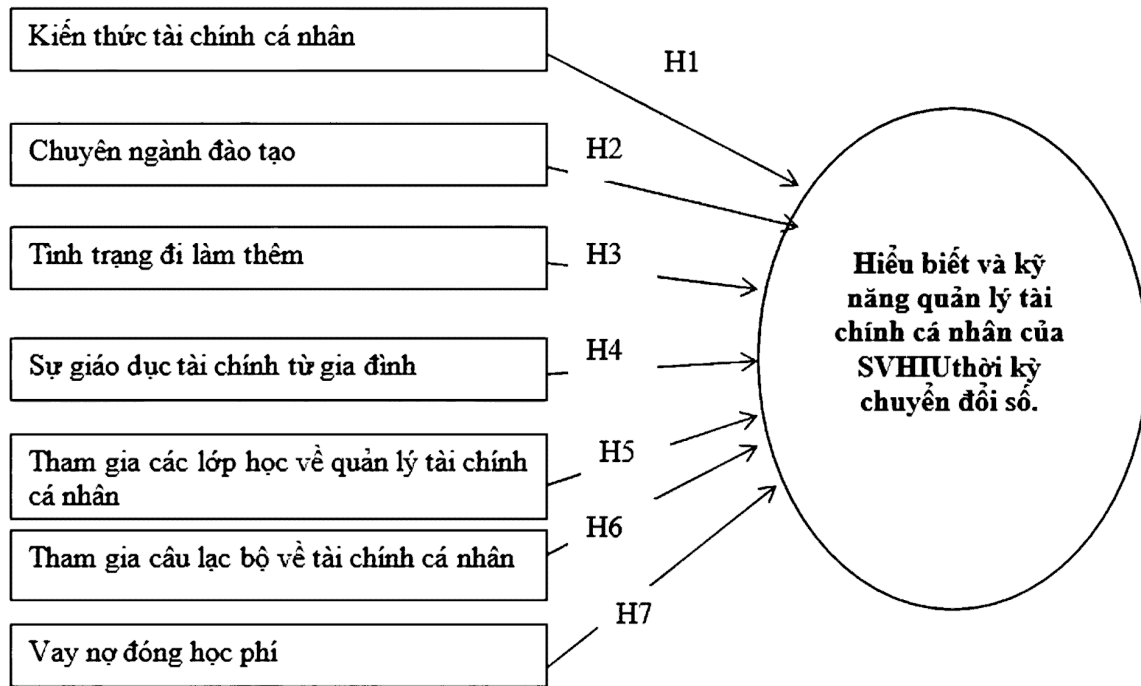
- Thứ nhất, nhiều tác giả nước ngoài đã nghiên cứu hiểu biết về TCCN cũng như các nhân tố tác động đến nó. Tuy nhiên, hầu hết các đề tài nghiên cứu đều phân tích ở các quốc gia có nền giáo dục phát triển, nơi mà ở bậc đại học các SV đã được đi thực tập và sống độc lập từ rất sớm. Trong khi đó, ở Việt Nam, nền giáo dục đại học vẫn mang nặng tính lý thuyết, còn ít các mô hình thực hành cho sinh viên, đặc biệt là về mảng tài chính. SV Việt Nam nói chung và SV Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng nói riêng có ít trải nghiệm thực tế về tài chính trước khi lên đại học và hầu như chưa tự chủ tài chính khi học đại học. Vì vậy, các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết và quản lý TCCN ở Việt Nam nói chung và ở HIU có thể có sự khác biệt so với các nghiên cứu SV trên thế giới.
- Thứ hai, đã có một số đề tài nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết và quản lý TCCN của SV Việt Nam nói chung và SV tại một số địa bàn cụ thể nói riêng, nhưng chưa có đề tài nghiên cứu về ảnh hưởng của việc tham gia các câu lạc bộ học thuật về kinh tế của SV, SV vay nợ đóng học phí. Vì vậy, việc đưa thêm nhân tố tham gia các câu lạc bộ học thuật về tài chính, nhân tố vay nợ đóng học phí sẽ đem lại góc nhìn khác về giáo dục tài chính trong các trường đại học ở Việt Nam hiện nay nói chung và SV HIU nói riêng.

- Thứ ba, có mâu thuẫn trong các nghiên cứu trước về hiểu biết và quản lý TCCN ở biến số về số năm học, về giới tính của SV đại học, có nghiên cứu chỉ ra SV càng mới thì hiểu biết tài chính càng kém, nhưng cũng có nghiên cứu kết luận SV năm nhất quản lý chi tiêu tốt hơn so với SV học lâu năm hơn vì năm nhất lo sợ với các khoản nợ nần hơn. Có nghiên cứu nam giới quản lý tài chính tốt hơn nữ giới, SV nam hiểu biết về tài chính hơn SV nữ nhưng có nghiên cứu ngược lại. Như vậy, trong

mô hình này, sẽ tiến hành kiểm chứng lại sự khác biệt về giới tính và số năm đã học đại học của SV HIU đến sự hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN.

2.2.2.3. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Dựa trên các bằng chứng thực nghiệm trong và ngoài nước với các bộ dữ liệu khác nhau cùng với các phương pháp nghiên cứu khác nhau đã cung cấp cơ sở khoa học đáng tin cậy về mối liên hệ giữa các yếu tố đến hiểu biết và quản lý TCCN của sinh viên.



Hình 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU thời kỳ chuyển đổi số

2.2.2.4. Mô tả các yếu tố ảnh hưởng và giả thiết nghiên cứu

(i) Kiến thức tài chính: Theo World Bank kiến thức tài chính được đo lường theo 2 chỉ báo: các khái niệm tài chính cơ bản và các kỹ năng thiết kế, kiểm soát thu chi cá nhân cơ bản (thanh toán, mở tài khoản).

Giả thiết 1: Kiến thức tài chính tác động cùng chiều đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU trong thời kì chuyển đổi số.

(ii) Ngành học: Những sinh viên ngành kinh tế hiểu biết và quản lý TCCN tốt hơn [1], do sinh viên ngành kinh tế hiểu được giá trị tài sản và hầu hết đều muốn thực hiện các hoạt động kinh doanh, đây chính là động lực thực hiện các hành vi quản lý tiết kiệm.

Giả thuyết 2: Ngành học (ngành học có liên quan kinh tế) tác động cùng chiều đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU trong thời kì chuyển đổi số.

(iii) Tình trạng đi làm thêm: tình trạng việc làm có thể ảnh hưởng tới thái độ và hành vi tài chính [1]. SV có nhiều năm đi làm thì có kinh nghiệm và hiểu biết hơn trong việc quản lý tài chính của mình [11]. Điều này có thể được lý giải là SV có đi làm sẽ hiểu biết hơn về hành vi mua sắm thông minh, khuyến mãi, tiếp cận với việc so sánh giá cả dễ dàng hơn.

Giả thuyết 3: Tình trạng đi làm thêm tác động cùng chiều đến kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU trong thời kì chuyển đổi số.

(iv) Giáo dục tài chính từ gia đình: theo nghiên cứu Shim [11], SV được hướng dẫn tài chính từ gia đình sẽ tốt hơn SV không có, gia đình cần đề cao và có cách giáo dục sớm về tiền bạc nhằm giúp con cái có cái nhìn đúng về vai trò, hiểu được giá trị mà đồng tiền mang lại và biết cách quản lý tài chính của mình.

Giả thuyết 4: Sự giáo dục tài chính từ gia đình tác

động cùng chiều đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU trong thời kì chuyển đổi số.

(iv) Tham gia lớp học tài chính: có sự thay đổi trong nhận thức của SV về hiểu biết và quản lý TCCN trước và sau khi tham gia các hội thảo, các lớp học về kiến thức tài chính kinh tế, cũng như kỹ năng quản lý ngân quỹ cá nhân [12].

Giả thiết 5: Có mối quan hệ cùng chiều giữa việc tham gia lớp học tài chính với hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU trong thời kì chuyển đổi số.

(vi) Tham gia các CLB giúp sinh viên tiếp cận được nguồn kiến thức tài chính từ các anh chị lớp trên, từ chuyên gia, khách mời của câu lạc bộ đã có kinh nghiệm, học được nhiều kiến thức bổ ích và tiếp thu nhanh hơn khi tự tìm kiếm. Từ đó có thể giải đáp thắc mắc về tài chính một cách nhanh chóng, giúp bản thân không mất quá nhiều thời gian khi phải mày mò. Bên cạnh đó mở ra cho bản thân thêm nhiều mối quan hệ mới. Từ những kiến thức và mối quan hệ chúng ta sẽ có cái nhìn về đầu tư tài chính đúng đắn.

Giả thuyết 6: Tham gia các câu lạc bộ liên quan về TCCN tác động cùng chiều đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU trong thời kì chuyển đổi số.

(vii) Vay nợ tiền để đóng học phí giúp các bạn lập kế hoạch chi tiêu một cách hợp lý để có thể trả tiền vay mỗi tháng. Các bạn bị áp lực từ việc trả góp học phí mỗi tháng còn giúp bản thân kỷ luật hơn tránh tiêu sài hoang phí để dùng cho việc thích hợp

Giả thiết 7: vay nợ đóng học phí có tác động cùng chiều đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU trong thời kì chuyển đổi số.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu hỗn hợp bao gồm phương pháp nghiên cứu định tính: hỏi ý kiến chuyên gia, nghiên cứu tài liệu kết hợp phương pháp nghiên cứu định lượng: thống kê mô tả, kiểm định thang đo độ tin cậy bằng hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá (EFA), kiểm định tương quan (pearson), phân tích hồi quy tuyến tính, kiểm định phương sai ANOVA.

2.3.1. Nghiên cứu định tính

Trước tiên, nghiên cứu tài liệu dựa trên nguồn thông tin thứ cấp thông qua các nghiên cứu đã công bố của các tác giả trong và ngoài nước. Hỏi ý kiến chuyên gia về các yếu tố tác động đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN do nhóm đề xuất. Khảo sát SV thông qua các câu hỏi khảo sát về sự hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU thời kì chuyển đổi số.

2.3.2. Nghiên cứu định lượng

- Phương pháp lấy mẫu:

Do giới hạn về thời gian và quy mô của đối tượng nghiên cứu, nên tác giả chọn quy tắc lấy mẫu của hachter và cộng sự để đảm bảo tính xác thực của phạm vi nghiên cứu. Nghiên cứu có tổng cộng 39 biến quan sát, do đó kích cỡ mẫu khảo sát sẽ lấy ít nhất là $n \geq 5 \times 39 = 195$. Lấy mẫu và thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua bảng khảo sát. Trong số 220 bảng khảo sát gửi đi qua các bước làm sạch và phân loại dữ liệu có 207 bản khảo sát đạt yêu cầu và được sử dụng để phân tích.

- Phương pháp phân tích dữ liệu:

+ Sau khi các mẫu khảo sát được làm sạch, tác giả tiến hành nhập dữ liệu vào phần mềm SPSS 23.0 và tính giá trị trung bình các thang đo, phân tích thống kê mô tả, phân tích độ tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố EFA, phân tích tương quan hồi quy, kiểm định phương sai ANOVA.

+ Điều chỉnh mô hình lý thuyết: Sau quá trình kiểm định độ tin cậy của thang đo bằng Cronbach's Alpha và tiến hành phân tích yếu tố khám phá EFA thì mô hình nghiên cứu có thể sẽ có những sai khác như số lượng biến bị giảm xuống, các biến hội tụ tại nhiều hơn hoặc ít hơn số lượng yếu tố ban đầu, biến quan sát này gom chung nhóm khác khi các biến trong nhóm này lại tương đồng giá trị với các biến của nhóm khác. Vì vậy, cần tiến hành điều chỉnh một cách hợp lý các yếu tố để xây dựng mô hình hồi quy phù hợp là điều hợp lý.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thống kê mô tả thông tin nhân khẩu học

- Số lượng SV nữ chiếm 55.56%, nam chỉ chiếm 44.44%, như vậy SV nữ tham gia khảo sát nhiều hơn so với SV nam, nhưng chênh lệch không cao.
- Về ngành học SV kinh tế (không bao gồm TCNH) chiếm lớn nhất 24.15 %, thứ 2 là ngành TCNH chiếm 21.26%, còn lại trải đều cho các ngành học khác.
- Về độ tuổi thực hiện khảo sát đồng nhất là 19 tuổi chiếm 33.82% tương đương các bạn SV năm 2.

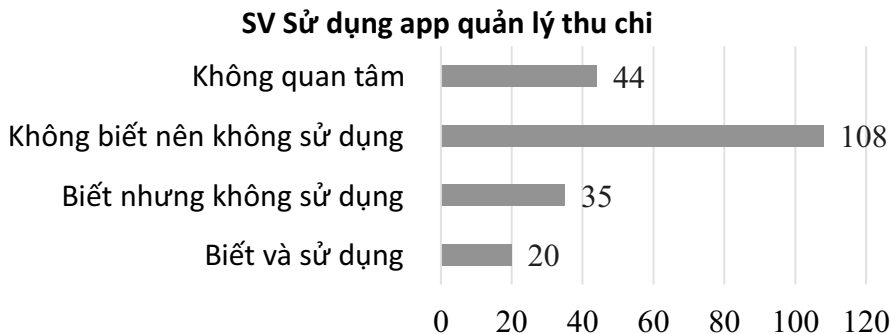
3.2. Thực trạng SV sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử, quản lý thu chi

Theo kết quả khảo sát 207 SV HIU, 100% SV sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Thanh toán trực tuyến bao gồm thanh toán thông qua dịch vụ Internet Banking, Digital Banking của ngân hàng và thanh toán qua các ví điện tử MOMO, Viettel Pay, Zalo Pay, VTC Pay, Payoo, VinID Pay, VNPAY, QR code, cổng thanh toán F@st Mobipay, ... Hiện nay, ví điện tử rất được mọi người ưa chuộng, đặc biệt

là giới trẻ vì sự tiện lợi và cung cấp nhiều dịch vụ hoàn tiền hay khuyến mãi cho người dùng.

GenZ sinh ra đã được tiếp cận với các chuyển giao công nghệ từ sớm thế nên họ thường áp dụng với các công nghệ đã được tiếp cận vào đời sống. Nhưng cũng từ đó các bạn SV dễ đối mặt với vấn đề

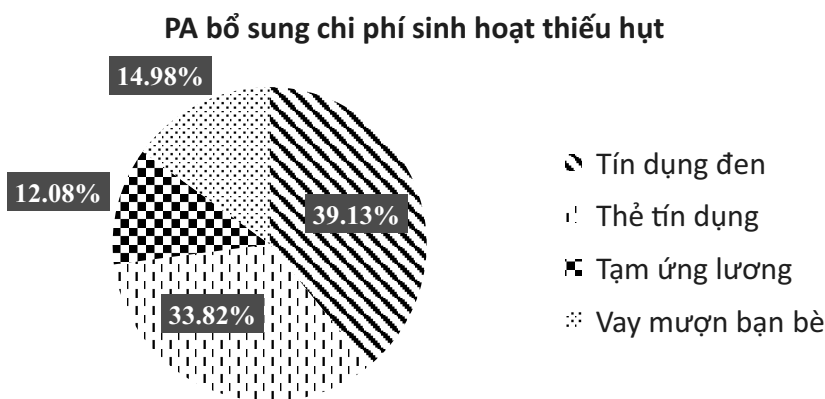
không kiểm soát và cân bằng được chi tiêu, xuất hiện những món nợ xấu. Việc sử dụng app quản lý nguồn tiền thu chi thì chỉ có 20 bạn SV sử dụng, thậm chí có SV còn không biết đến các app giúp quản lý thu chi hay các bạn không hề quan tâm đến vấn đề này.



Hình 2. SV HIU sử dụng app quản lý thu chi

Khi cần tiền, thay vì có thể sử dụng các thẻ tín dụng để chi tiêu trước trong hạn mức cho phép của ngân hàng mà thông thường trả trong 45 ngày và

ngân hàng không tính lãi, nhiều bạn SV lại đi vay tín dụng đen (81/207 SV được khảo sát chiếm 39.13%).



Hình 3. Phương án bổ sung nguồn tiền khi thiếu hụt chi phí sinh hoạt SV HIU

3.3. Mô hình hồi quy

Sau quá trình thực hiện phân tích nhân tố EFA và ma trận xoay nhân tố, kết quả còn lại 28 biến quan sát và nhóm thành 6 nhóm: F1_ GDGDLT (giáo dục

gia đình và đi làm thêm), F2_ LHTC (lớp học tài chính), F3_ KTTC (kiến thức tài chính), F4_ VN (vay nợ đóng học phí), F5_ CNDT (chuyên ngành đào tạo), F6_ CLB (tham gia câu lạc bộ).

Bảng 2. Tóm tắt Mô hình hồi quy (Model Summary)

Mô hình	R	R ²	R ² Hiệu chỉnh	Sai số ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	0.790 ^a	0.624	0.617	0.60892	1.667

Bảng 3. Hệ số hồi quy (Coefficients)

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Mức ý nghĩa	Thống kê của biến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Độ chấp nhận của biến	Hệ số phóng đại phương sai VIF
1	(Hằng số)	-0.401	0.295		-1.358	0.176	
	F1_ GDGDLT	0.415	0.089	0.284	4.685	0.000	0.510
	F2_ LHTC	0.596	0.078	0.501	7.642	0.000	0.435

1	F3_KTTC	0.214	0.068	0.167	3.139	0.002	0.660	1.515
	F4_VN	-0.107	0.071	0.078	-1.513	0.132	0.708	1.413
	F5_CNDT	0.002	0.065	0.102	0.138	0.000	0.717	1.394
	F6_CLB	0.318	0.067	0.268	1.205	0.001	0.682	1.467

Hệ số phóng đại phương sai (VIF) lớn nhất là $2.298 < 3$ chứng tỏ không có hiện tượng đa cộng tuyến. Mặt khác, giá trị mức ý nghĩa (Sig. = $0.000 < 0.05$) có nghĩa là giả thuyết H_0 bị bác bỏ tức là 5 nhân tố trong mô hình đều có ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU, ngoại trừ F4_VN (Sig. = $0.132 > 0.05$). Kết quả phân tích các hệ số hồi quy thể

hiện rằng có 5 nhân tố tác động dương (hệ số Beta dương) đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN. So sánh giá trị (độ mạnh) của β chuẩn hóa cho thấy: Lớp học tài chính F2_LHTC tác động lớn nhất đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN ($\beta = 0.501$), kế đến là F1_GDGLT ($\beta = 0.284$), F6_CLB ($\beta = 0.268$), F3_KTTC ($\beta = 0.167$) và F5_CNDT ($\beta = 0.102$).

3.4. Kiểm định phương sai One – Way ANOVA

Bảng 4. Kết quả kiểm định sự khác biệt các yếu tố nhân khẩu học

Yếu tố	Kết quả
Giới tính	Với dữ liệu quan sát có thể kết luận có sự khác biệt về hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN đối với Nam và nữ. Nữ có hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN cao hơn Nam.
Độ tuổi	Với dữ liệu quan sát chưa thể kết luận có sự khác biệt về hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN ở các độ tuổi khác nhau, năm học khác nhau đối với các bạn SVĐHQTHB.
Năm học	
Khu vực lớn lên	Với dữ liệu quan sát có thể kết luận có sự khác biệt về hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN với SV lớn lên ở khu vực nông thôn và thành thị. SV ở thành thị hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN cao hơn các SV lớn lên ở nông thôn.
Nơi ở khi học đại học	Có thể kết luận có sự khác biệt về hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN khi nơi ở để học đại học khác nhau. Các SV ở trọ có hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN cao hơn các bạn sống cùng gia đình và người thân.
Điều kiện kinh tế gia đình	Với dữ liệu quan sát chưa đủ điều kiện để khẳng định có sự khác biệt về hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN với điều kiện kinh tế gia đình khác nhau.

4. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT HÀM Ý QUẢN TRỊ

4.1. Kết luận

Kết quả nghiên cứu ở phần trên cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng: Lớp học tài chính, giáo dục gia đình và đi làm thêm, Tham gia câu lạc bộ tài chính, Kiến thức tài chính và chuyên ngành đào tạo.

$$TCCN = 0.284 * F1_GDGLT + 0.501 * F2_LHTC + 0.167 * F3_KTTC + 0.102 * F5_CNDT + 0.268 * F6_CLB$$

Lớp học tài chính F2_LHTC tác động lớn nhất đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN ($\beta = 0.501$), kế đến là giáo dục gia đình và đi làm thêm F1_GDGLT ($\beta = 0.284$), tác động mạnh thứ ba là tham gia câu lạc bộ tài chính F6_CLB ($\beta = 0.268$), kiến thức tài chính F3_KTTC ($\beta = 0.167$) và cuối cùng là chuyên ngành đào tạo F5_CNDT ($\beta = 0.102$).

Từ kết quả này nhóm nghiên cứu xin có các đề xuất

gợi ý với ban lãnh đạo khoa Kinh tế Quản trị và Ban Giám hiệu HIU cũng như các Phòng, Ban của trường để góp phần nâng cao hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV.

4.2. Hàm ý quản trị

4.2.1. Các hàm ý để nâng cao ý thức tham gia lớp học tài chính

Nhà trường có thể khuyến khích và hỗ trợ SV tham gia các khóa học và thực hành về quản lý TCCN bằng cách tạo điều kiện thuận lợi cho việc đăng ký và tham gia các khóa học này, bao gồm cả cung cấp các phương tiện hỗ trợ học tập như tài liệu, video, các bài kiểm tra, tư vấn trực tuyến, các hoạt động thực tiễn, ...

Nhà trường kết hợp với một số công ty công nghệ hoặc bộ phận CNTT, Khoa Kinh tế - Quản trị - Bộ môn TCNH để làm những bài học sử dụng hình thức game hóa (gamification) giúp SV có thể vừa học vừa chơi và có động lực tham gia.

Cần có sự liên kết giữa Nhà trường với các doanh nghiệp dịch vụ TCCN để xây dựng các buổi học ngoại khóa, cũng như tăng trải nghiệm cho SV. Làm việc với các đơn vị Fintech như Finhay, Money Lover và MBBank họ có thể chia sẻ những chủ đề “phân biệt các hình thức tín dụng chính thức và lừa đảo”, “lợi ích của việc tiết kiệm sớm”, “cách xây dựng con đường đến tự do tài chính”, ... đến với sinh viên, giúp các bạn có thể tránh được các “bẫy tài chính”.

4.2.2. Hàm ý đối với yếu tố giáo dục gia đình và đi làm thêm

Nhà trường nên phối hợp với các tổ chức tài chính hoặc chuyên gia trong ngành để tổ chức các khóa học miễn phí về quản lý tài chính cụ thể cho gia đình SV. Để phụ huynh và cả con cái cùng tham gia biết thêm về cách quản lý tài chính cho cá nhân rộng hơn là tài chính cho gia đình. Để khóa học thêm phần thu hút các học viên ban tổ chức nên tạo ra các chuyên đề tài chính liên quan đến xã hội đời thực, các trò chơi để dễ tiếp thu kiến thức. Điều này cung cấp cho các gia đình kiến thức và kỹ năng cần thiết để hỗ trợ con cái họ quản lý TCCN.

Khuyến khích SV làm việc bán thời gian nhưng sắp xếp hợp lý lịch học để SV tích lũy kinh nghiệm thực tế về TCCN, công việc bán thời gian có thể cung cấp cho SV tính toán thu nhập, trân quý giá trị sức lao động, cân nhắc khi chi tiêu.

4.2.3. Hàm ý đối với yếu tố tham gia các câu lạc bộ về vấn đề quản lý TCCN

Nhà trường và Khoa phối hợp thành lập các câu lạc bộ liên quan đến vấn đề TCCN để các bạn SV có cơ hội học hỏi lẫn nhau vì tiền bạc là vấn đề cá nhân và nhạy cảm, hầu hết chúng ta thường tự học từ việc quan sát người xung quanh, từ kinh nghiệm và trải nghiệm thực tiễn của bản thân.

Nhà trường và Khoa có chính sách khuyến khích SV tham gia các câu lạc bộ về quản lý TCCN. Cung cấp thông tin về các câu lạc bộ này và hoạt động của chúng để SV có thể dễ dàng tham gia. Đồng thời, Trường, Khoa cũng nên tạo điều kiện và hỗ trợ cho

các câu lạc bộ này hoạt động hiệu quả, từ đó giúp cho SV có cơ hội tham gia và phát triển kỹ năng quản lý TCCN trong thời kỳ chuyển đổi số.

4.2.4. Các hàm ý quản trị đối với kiến thức TCCN

Nhà trường có thể cung cấp những khóa đào tạo bổ sung kiến thức tài chính cho SV, bao gồm cả cơ bản và nâng cao. Các khóa học sẽ giúp SV hiểu sâu thêm về những khái niệm và nguyên tắc tài chính căn bản, từ đó có thể vận dụng cho việc quản lý TCCN của bản thân.

Tạo các sân chơi, cuộc thi và hội thảo xoay quanh chủ đề về TCCN mục tiêu của các cuộc thi này không phải là dạy nhiều kiến thức và kỹ năng quản lý TCCN cho SV mà thông qua cuộc thi lan tỏa và tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của việc hiểu biết TCCN. Khi nhận thức thay đổi, SV sẽ có thể tự trang bị kiến thức, học hỏi kỹ năng và thay đổi thái độ về quản lý tài chính của mình.

4.2.5. Hàm ý đối với yếu tố chuyên ngành đào tạo

Chuyên ngành đào tạo là yếu tố có mức độ ảnh hưởng xếp thứ năm đến hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV HIU (Beta = 0.102). Mặc dù không phải là yếu tố tiên quyết nhưng nó lại là yếu tố cần thiết để tạo sự hiểu biết và kỹ năng quản lý TCCN của SV.

HIU chú trọng tuyên truyền, tổ chức ngoại khóa cho SV các ngành khác khối kinh tế; tổ chức giao lưu SV khối kinh tế với các ngành khác, khuyến khích SV toàn trường tham gia đầu tư vào thị trường chứng khoán thông qua kênh đầu tư ảo trên các trang web như: vietstock.vn, chungkhoanviet.vn, hoclamgiau.vn, vnstockgame.com... Việc sử dụng các phần mềm quản lý TCCN như: phần mềm money management hay tiện ích sổ thu chi MISA cũng được khuyến khích.

LỜI CẢM ƠN:

Nghiên cứu này được Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng cấp kinh phí thực hiện dưới mã số đề tài SVTC16.26

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] J. J. Xiao, B. Sorhaindo and E. T. Garman “Financial behaviours of consumers in credit counseling”, *International Journal of Consumer Studies*, 30(2), pp 108-121, 2006.

[2] W. Kenton, "Personal Finance," September 16,

2022. [Online]. Available: <https://www.investopedia.com/terms/p/personalfinance.asp>. [Accessed Mar 10, 2023].

[3] N.T. Tiến, “Cơ sở lý luận và thực tiễn về TCCN tại Việt Nam”, 2015. [Trực tuyến]. Địa chỉ:

https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/97513/1/Nguyen%20Tien%20Thanh.pdf [Truy cập 22/7/2022].

[4] OECD, “Measuring Financial Literacy: Questionnaires and Guidance Notes for Conducting an Internationally Comparable Survey of Financial Literacy”, 2015. [Online]. Available: <https://www.oecd.org/daf/fin/financial-education/49319977.pdf>. [Accessed July 22, 2022].

[5] A. Lursardi, Mitchell, S. Olivia and V. Curto, “Financial Literacy among the Young”, *The Journal of Consumer Affairs*, Volume 44, Issue 2 pages 358-380, 2010.

[6] Kharchenko and Olga, 2011. [Online]. Available: <https://kse.ua/wpcontent/uploads/2019/03/KHARCHENKO.pdf>. [Accessed Mar 8, 2022]

[7] S. Cole, X. Giné, J. Tobacman, R. Townsend, P. Topalova and J. Vickery, “Barriers to Household Risk Management: Evidence from India”, *American economic journal: applied economics*, vol.5, no.1, pp. 104 -135, 2013.

[8] M. F. Sabri, M. MacDonald, T. K. Hira, J. Masud, “Childhood Consumer Experience and the Financial Literacy of College Students in Malaysia”, *Family & Consumer sciences*, volume 38, issue 4, pp 455-467, 2010.

[9] J. Masud, A.R. Husniyah, P. Laily, B. Sonya, “Financial behavior and problems among university students: Need for financial education”, *Journal of Personal Finance*, Volume 3, Issue 1, pp 82 -94, 2004.

[10] J. M Cordero and F. Pedraja, “The effect of financial education training on the financial

literacy of Spanish students in PISA, *Applied Economics*, 51 (3):1-15. DOI:10.1080/00036846.2018.1528336

[11] S. Shim, B. L Barber, N. A Card... and J. Serido, “Financial socialization of first-year college students: The roles of parents, work, and education”. *Journal of Youth and Adolescence*, 39 (12), pp 1457–1470, 2010. DOI: 10.1007/s10964-009-9432-x

[12] T. Peng, S. Bartholomae, J.J. Fox and G. Cravener, “The impact of personal finance education delivered in high school and college courses”, *Journal of Family and Economic Issues*, 28 (2), 265–284, 2007.

[13] Nguyen Thi Hai Yen “Evaluate Financial Literacy of Vietnamese Students in Higher Education and Its Determinants- The need of Financial Education”, 2014. [Online]. Available: <http://veam.org/wp-content/uploads/2017/12/20.-Nguyen-Thi-Hai-Yen.pdf>. [Accessed Apr 15 2022]

[14] Trần Thanh Thu và Đào Hồng Nhung, “Chương trình giáo dục tài chính quốc gia trong bối cảnh số hóa ngành Tài chính: Kinh nghiệm và đề xuất cho Việt Nam”, 2020. [Trực tuyến]. Địa chỉ: https://www.researchgate.net/publication/345239345_Chuong_trinh_giao_duc_tai_chinh_quoc_gia_trong_boi_canh_so_hoa_nganh_Tai_chinh_Kinh_nghiem_va_de_xuat_cho_Viet_Nam_. [Truy cập 18/05/2022]

[15] L.L. Hậu, L.T.Nghiêm và N. L.T. Anh, “các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý TCCN của SV trường đại học Cần Thơ”, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, Tập 55, Số chuyên đề: Kinh tế, 127-134, 2019.

Factors affecting student's financial literacy and skills in personal financial management at Hong Bang International University in the digital transformation period

Le Thi Hong Hanh, Nguyen Do Bich Nga, Nguyen Thi Thanh Nhung, Nguyen Thanh Phu, Tran Nguyen Hien Nhu and Pham Hoang Loc

ABSTRACT

The aim of this study is to analyze the factors affecting financial literacy and skills of personal financial management of Hong Bang International University students during the digital transformation period. The survey collected data from 207 students from Hong Bang International University in all courses and disciplines. The article uses mixed research methods, including qualitative and quantitative research

methods. The regression analysis results show that there are 5 factors that affect financial literacy and skills of personal financial management of students at Hong Bang International University, in the following order: The factor with the highest influence "Personal finance course" the next is the factor "Family education and part-time work", "Personal finance Club", "finance knowledge" and finally the factor "Training majors" students. Demographic factors also show that there are differences in financial literacy and personal financial management skills by gender, growing up area, and residence when studying at the university of Hong Bang International University students. From there, we propose suggestions to improve financial literacy and personal financial management skills.

Keywords: *financial literacy, personal financial management, student*

Received: 26/06/2023

Revised: 12/07/2023

Accepted for publication: 17/07/2023